TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2018/HNGĐ–ST
Ngày: 17/8/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Văn Ba.
2/ Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2018/TLST–HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2018/QĐST–HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1985 (có mặt).
2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1972 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Số 60/9, tổ 15, khu 3, ấp 7, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

– Chị và anh Đ xây dựng gia đình vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay, chị và anh Đ vẫn cùng sống tại địa chỉ: Số 60/9, tổ 15, khu 3, ấp 7, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai, nhưng không ai quan tâm đến ai. Chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

– Về con chung, có 02 cháu:

+ Nguyễn Minh T, sinh ngày 23/4/2004;

+ Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/4/2005.

Hiện cháu T và cháu L đang sống cùng vợ chồng. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và cháu L, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con do chị đủ khả năng nuôi con.

– Về T sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh Đ, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu T và cháu L cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng nuôi con. T sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung:

Chị Y, anh Đ chung sống với nhau từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng được nguyên đơn xác định do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nên chung sống không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị Y không còn tình cảm với anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do anh Đ không đến phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, xác minh của Tòa án và các chứng cứ, tài liệu Tòa án đã thu thập được có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

– Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 23/4/2004 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/4/2005. Nếu ly hôn, chị Y yêu

cầu được nuôi dưỡng cháu T và cháu L, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Cháu T và cháu L cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị Y nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T và cháu L cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Y nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con.

– Về T sản chung, nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị Y là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Y được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Chị Y đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 28, 35, 266, 271, 273, khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hải Y, chị Y được ly hôn anh Nguyễn Minh Đ.

– Về con chung, giao 02 cháu:

+ Nguyễn Minh T, sinh ngày 23/4/2004;

+ Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/4/2005.

Cho chị Y nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

– Về T sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, chị Y được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002202 ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị Y đã nộp đủ án phí.

3/ Chị Nguyễn Thị Hải Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Minh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thùy Trang